

CHƯƠNG V: PHÂN SỐ (tt)

BÀI 6: GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ

1. Tính giá trị phân số của một số:

Quy tắc 1: Muốn tính giá trị phân số $\frac{m}{n}$ của số a, ta tính $a \cdot \frac{m}{n}$

Ví dụ 1: Tính giá trị $\frac{3}{4}$ của -60

$$\text{Ta tính } (-60) \cdot \frac{3}{4} = -45$$

2. Tìm một số khi biết giá trị phân số của số đó.

Quy tắc 2: Muốn tìm một số khi biết giá trị phân số $\frac{m}{n}$ của nó là b, ta tính $b : \frac{m}{n}$

Ví dụ 2: Tìm một số, biết $\frac{2}{3}$ của số đó là -4

$$\text{Ta tính } (-4) : \frac{2}{3} = (-4) \cdot \frac{3}{2} = -6$$

Bài tập: Bài 1,2,3,4 trang 22 SGK

CHƯƠNG 8: HÌNH HỌC PHẪNG. CÁC HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN

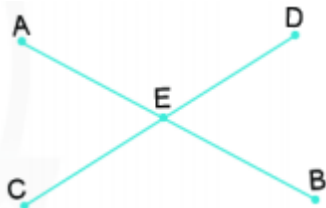
BÀI 2: BA ĐIỂM THẲNG HÀNG. BA ĐIỂM KHÔNG THẲNG HÀNG

1. Ba điểm thẳng hàng

Hãy tìm cách trồng 5 cây táo thành 2 hàng, mỗi hàng có 3 cây.

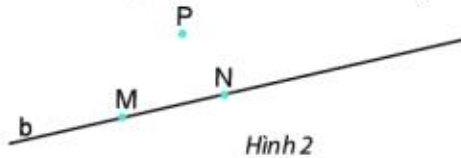
Nếu mỗi cây được xem là một điểm, vẽ hình thể hiện cách trồng các cây đó.

- Có thể trồng bằng cách xếp cây thành hai đường chéo nhau
- Mô tả như hình vẽ:

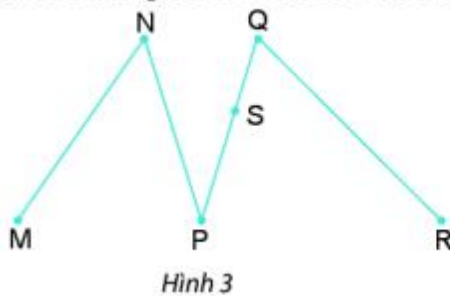


Thực hành 1

- Trên Hình 2, hãy chỉ ra ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng.

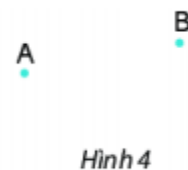


- Trên Hình 2, ba điểm thẳng hàng là: M, N, Q; ba điểm không thẳng hàng là M, N, P
- Dùng thước thẳng để kiểm tra xem ba điểm nào trên Hình 3 là thẳng hàng.

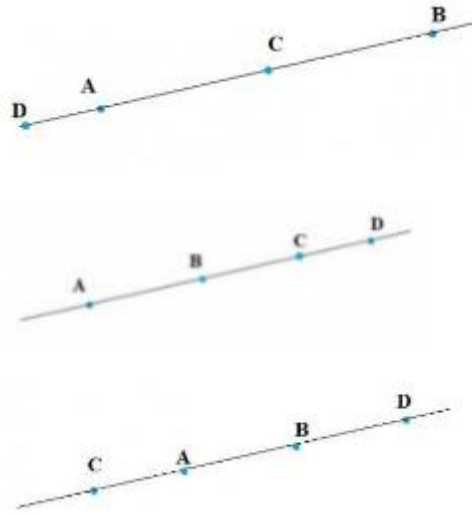


- Trên Hình 3, ba điểm thẳng hàng là M, P, R

- Vẽ vào vở hai điểm A, B như Hình 4. Em vẽ thêm hai điểm C và D sao cho ba điểm A, B, C thẳng hàng và ba điểm A, B, D cũng thẳng hàng. Hãy vẽ ba vị trí khác nhau của điểm C.



- Vẽ hình như sau:



2. Quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng

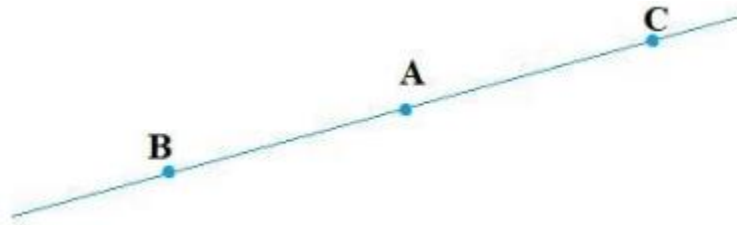
Quan sát đèn giao thông ở hình bên. Đèn màu nào nằm giữa hai đèn còn lại?



Đèn màu vàng nằm giữa hai đèn còn lại

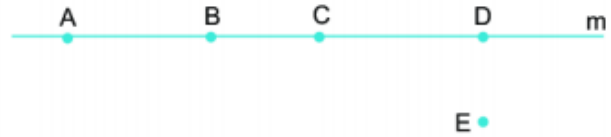
Thực hành 2

Em vẽ hai điểm A và B trên giấy. Hãy vẽ thêm điểm C sao cho điểm A nằm giữa hai điểm B và C.



3. Luyện tập

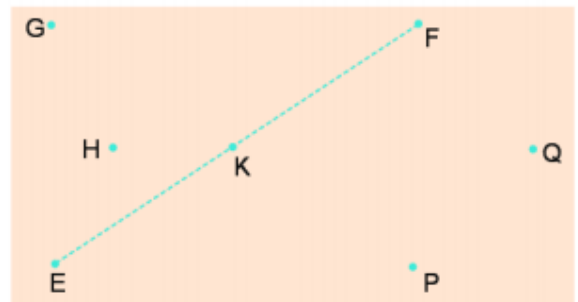
- Trong hình bên, cho bốn điểm A, B, C, D thuộc đường thẳng m và điểm E không thuộc đường thẳng m. Hãy nêu các bộ ba điểm thẳng hàng và các bộ ba điểm không thẳng hàng.



Bộ ba điểm thẳng hàng: (A, B, C) ; (B, C, D); (A, C, D); (A, B, D)

Bộ ba điểm không thẳng hàng: (A, B, E); (A, C, E); (A, D, E); (B,C, E), (B, D, E) (C, D, E)

- Trong hình bên, em hãy dự đoán xem ba điểm nào thẳng hàng? Sau đó hãy dùng thước để kiểm tra kết quả.



Các điểm thẳng hàng là: (G, K, P); (E, K, F); (H,K,Q)

- Trong hình bên, hãy chỉ ra các điểm:



- Nằm giữa hai điểm M và N.
- Không nằm giữa hai điểm E và G.

a) Điểm nằm giữa hai điểm M và N là: E, F, G

b) Điểm không nằm giữa hai điểm E và G: M và N

BÀI 3: HAI ĐƯỜNG THẲNG CẮT NHAU, SONG SONG. TIA

1. Hai đường thẳng cắt nhau, song song

Cho hình chữ nhật ABCD ở Hình 1. Xác định số điểm chung của hai cặp đường thẳng: AB và AD; AB và DC.



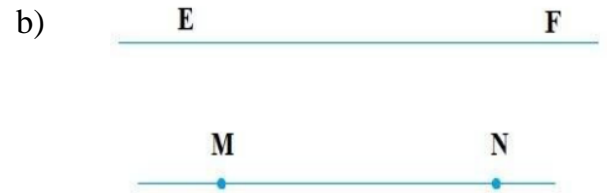
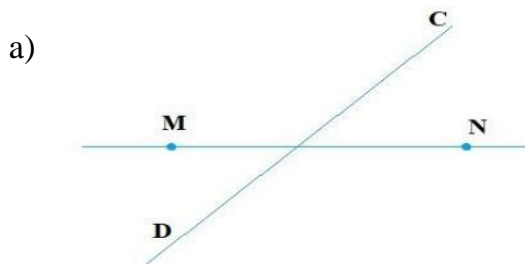
AB và AD có một điểm chung là A
 AB và DC không có điểm chung

Thực hành

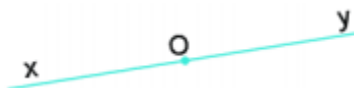
Cho đường thẳng MN như hình bên.

Hãy vẽ hình trong các trường hợp sau:

- a) Đường thẳng CD cắt đường thẳng MN;
- b) Đường thẳng EF song song với đường thẳng MN.



2. Tia



• Chú ý:

Mỗi điểm O trên một đường thẳng chia đường thẳng đó thành hai phần, mỗi phần gọi là một tia gốc O.

- Từ một điểm O kẻ một vạch thẳng về một phía của điểm O để biểu diễn một tia gốc O.
- Nếu A là một điểm tùy ý trên tia Ox, ta có thể gọi tia Ox là tia OA
- Khi viết (đọc) tia, ta phải viết (đọc) gốc của tia trước.

3. Luyện tập

THCS TRẦN VĂN ĐANG – TOÁN 6 – TUẦN 8 HKII

1. Em hãy chọn trong các phương án dưới đây để được một phát biểu đúng.

Qua hai điểm A và B phân biệt có

(A) vô số đường thẳng.

(B) chỉ có 1 đường thẳng.

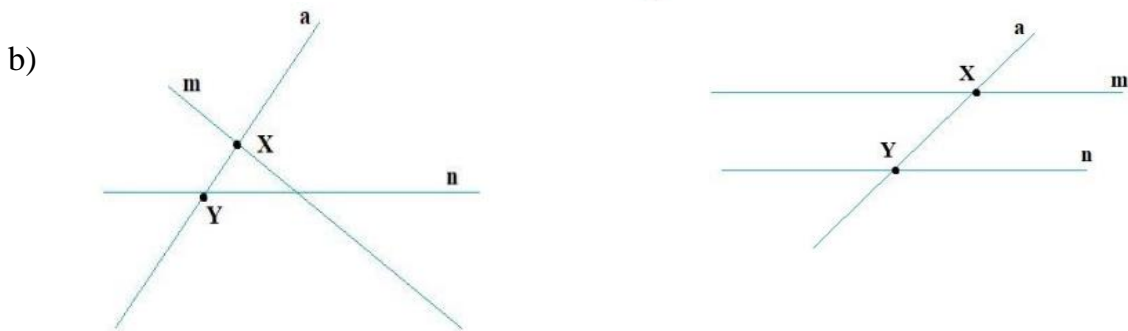
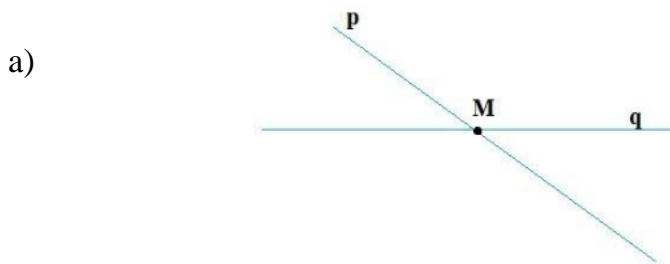
(C) không có đường thẳng nào.

⇒ Phương án (B) là phát biểu đúng

2. Vẽ hình cho các trường hợp sau:

a) Hai đường thẳng p và q cắt nhau tại điểm M.

b) Đường thẳng a cắt hai đường thẳng m và n theo thứ tự tại X và Y trong hai trường hợp:
m và n cắt nhau, hoặc m và n song song với nhau.

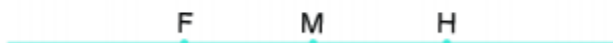


3. Đếm số giao điểm tạo bởi ba đường thẳng trong mỗi hình sau:



a) Không có giao điểm b) Có 2 giao điểm c) Có 1 giao điểm d) Có 3 giao điểm

4. Kể tên các tia có gốc là M trong hình sau:



Các tia có gốc là M: tia MH, tia MF

BÀI 4: ĐOẠN THẲNG. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

1. Đoạn thẳng



→ Đoạn thẳng AB (đoạn thẳng BA)

Thực hành 1

Kể tên các đoạn thẳng có trong hình dưới đây:



Các đoạn thẳng có trong hình: AB; BC; CD; DE; AC; AD; BD

2. Độ dài đoạn thẳng



→ Đoạn thẳng AB dài 9 cm ($AB = 9\text{cm}$)

- Mỗi đoạn thẳng có một độ dài. Độ dài đoạn thẳng là một số dương.
- Độ dài đoạn thẳng AB còn gọi là **khoảng cách giữa hai điểm A và B**.
- Nếu hai điểm trùng nhau thì khoảng cách giữa chúng bằng 0.

3. So sánh hai đoạn thẳng

Làm thế nào để biết cây bút chì dài hơn cây bút mực bao nhiêu xăng-ti-mét?

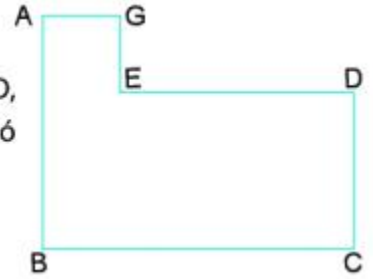


Để biết cây bút chì dài hơn cây bút mực bao nhiêu xăng-ti-mét, ta có thể dùng thước để đo và kiểm chứng

Thực hành 2

Cho hình vẽ bên:

Hãy đo độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD, DE, EG, AG và sắp xếp các đoạn thẳng đó theo thứ tự độ dài từ bé đến lớn.



- Các đoạn thẳng theo thứ tự độ dài từ bé đến lớn là: AG, GE, DC, ED, BC, AB

4. Một số dụng cụ đo độ dài



Các dụng cụ đó thường dùng trong trường hợp đo chiều cao, đo độ dài trong xây dựng.

5. Luyện tập

- a) Cách đặt thước đo nào trong hình dưới đây sẽ cho biết chính xác độ dài chiếc bút chì?



a)



b)

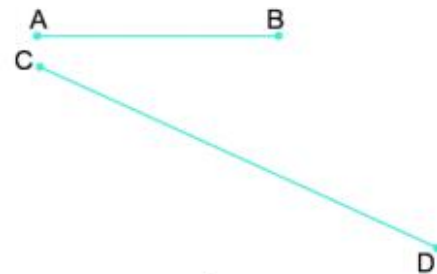


c)

b) Cho hai đoạn thẳng AB và CD như hình bên.

– Đo độ dài hai đoạn thẳng trên.

– Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng tổng độ dài hai đoạn thẳng trên.



a) Các

b) Dùng thước đo độ dài của hai đoạn thẳng trên

Cộng tổng độ dài của hai đoạn thẳng và đặt thước kẻ đoạn thẳng MN dài bằng tổng trên

THCS TRẦN VĂN ĐANG – TOÁN 6 – TUẦN 8 HKII

2. Em hãy vẽ bảng theo mẫu rồi cùng các bạn đo độ dài của bàn học để hoàn thiện bảng, sau đó đối chiếu với kích thước tiêu chuẩn.

Bàn học (kích thước tiêu chuẩn)	Bàn học trong lớp (kích thước đo được sắp xếp theo các cỡ)
Cỡ III: Chiều dài bàn học: 120 cm Chiều rộng bàn học: 45 cm	
Cỡ IV, V: Chiều dài bàn học: 120 cm Chiều rộng bàn học: 50 cm	

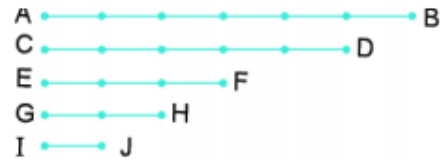
HS thực hành đo và hoàn thành bảng

3. Em cùng các bạn hãy ước lượng chiều dài, chiều rộng và bề dày của cuốn sách giáo khoa Toán 6, tập hai với đơn vị đo xăng-ti-mét và mi-li-mét, sau đó dùng thước kẻ để kiểm tra lại kết quả đó.
- Ước lượng: Chiều dài: 30cm, chiều rộng 20 cm, độ dày 1cm
 - HS đo và kiểm tra lại ước lượng của mình

4. Tìm độ dài của tất cả các đoạn thẳng có trong hình bên, nếu như đơn vị đo là độ dài của đoạn thẳng:

a) IJ;

b) AB.



a) Độ dài GH = 2 IJ

Độ dài EF = 3 IJ

Độ dài CD = 5IJ

Độ dài AB = 6IJ

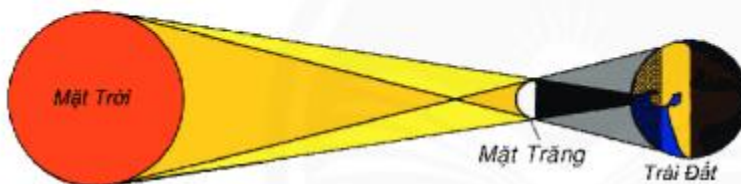
b) Độ dài IJ = $\frac{1}{6}$ AB

Độ dài GH = $\frac{1}{3}$ AB

Độ dài EF = $\frac{1}{2}$ AB

Độ dài CD = $\frac{5}{6}$ AB

5. Cho biết khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trời khoảng 150 000 000 km và khoảng cách giữa Trái Đất và Mặt Trăng khoảng 384 000 km. Hỏi khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?



Khi xảy ra hiện tượng nhật thực thì khoảng cách giữa Mặt Trời và Mặt Trăng là:

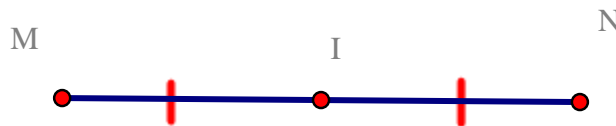
$$150\,000\,000 - 384\,000 = 149\,616\,000 \text{ (km)}$$

Đáp số: 149 616 000 km

BÀI 5 : TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

1. Trung điểm của đoạn thẳng

Ví dụ : Cho đoạn thẳng $MN = 6\text{cm}$, vẽ điểm I sao cho $IM = IN$



Ta có : Điểm I nằm giữa hai điểm M, N và $IM = IN \rightarrow$ Điểm I là trung điểm của đoạn thẳng MN

Chú ý : Trung điểm của đoạn thẳng còn gọi là điểm chính giữa của đoạn thẳng đó

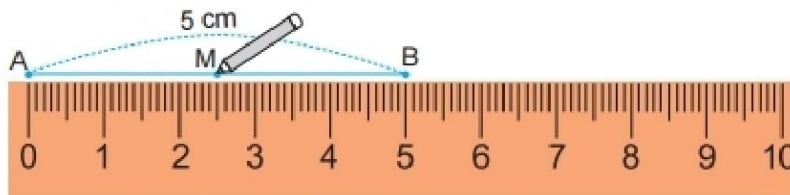
2. Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng.

Giả sử ta cần vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB có độ dài 5 cm .

Cách 1:

– Đặt mép thước trùng với đoạn thẳng AB sao cho vạch 0 trùng với điểm A , khi đó điểm B trùng với vạch chỉ số 5 trên thước.

– Ta lấy điểm M trùng với vạch chỉ số $2,5\text{ cm}$ trên thước. Khi đó ta có M là trung điểm của đoạn thẳng AB (hình dưới).



Cách 2:

Vẽ đoạn thẳng AB trên giấy can. Gấp giấy sao cho điểm B trùng với điểm A . Giao của nếp gấp và đoạn thẳng AB chính là trung điểm M cần xác định.

